ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3831 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 30tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 10278/SNV-XDCQ&CTTN ngày 26/10/2026 và đề nghị của Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 210/TTr-HBT ngày 08/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa đã được Đại hội Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua ngày 30/9/2026.

Sở Nội vụ, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Y tế chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định nội dung Điều lệ Hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thi hành);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- VPUB: LĐ, KGVX, TTCB và CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TP, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT, BỆNH NHÂN NGHÈO VÀ QUYỀN TRẺ EM TỈNH KHÁNH HÒA

(Được phê duyệt theo Quyết định số 3831...../QĐ-UBND ngày 30../..10./2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa.

2. Tên giao dịch quốc tế: Khanh Hoa Association for the Support of Persons with Disabilities, Poor Patients and Children's Rights

3. Tên viết tắt: KASP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù tập hợp tổ chức, công dân Việt Nam đoàn kết cùng hoạt động trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em.

2. Mục đích hoạt động của Hội nhằm đẩy mạnh trợ giúp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật, bệnh nhân nghèo, giúp trẻ em được hưởng các quyền cơ bản; góp phần thực hiện và bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của pháp luật Việt Nam; tích cực vận động, huy động, kết nối các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ cho người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em hòa nhập cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa là Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa, trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em.

2. Hội chịu sự quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa thông qua các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Hội là thành viên của Hội Bảo trợ Người

khuyết tật Việt Nam, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam và Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TPHCM.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội; tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Hội và hội viên theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

7. Tư vấn về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện và bảo vệ quyền trẻ em; tham gia khuyến nghị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật.

8. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề về trẻ em, việc vi phạm pháp luật về trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức các hoạt động, vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật trợ giúp người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em, đặc biệt những người đang gặp khó khăn có điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

10. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, từ thiện vì lợi ích của người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em trên nguyên tắc bình đẳng,

tôn trọng lẫn nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận.

11. Phối hợp hoặc tổ chức các hoạt động trợ giúp người khuyết tật, bệnh nhân nghèo, bảo vệ quyền trẻ em theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

12. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

13. Thành lập, quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

14. Tạo nguồn thu của Hội trên cơ sở hội phí của hội viên.

15. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao.

16. Xét khen thưởng và đề nghị cơ quan, tổ chức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

17. Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; không hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

2. Hội đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em theo quy định của pháp luật.

3. Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

4. Tuyên truyền, phổ biến, vận động hội viên thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội.

5. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, công dân Việt Nam nâng cao trách nhiệm xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc, đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ, tạo điều kiện hỗ trợ và động viên người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và bệnh nhân nghèo hòa nhập cộng đồng, thực hiện tốt nghĩa vụ người công dân, đảm bảo các quyền của trẻ em.

6. Tham gia giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật. Có chính kiến về những vụ việc vi phạm quyền trẻ em và tham gia ngăn chặn mọi hành vi gây tổn hại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội; báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật. Vận động nguồn lực, kêu gọi sự đóng góp và tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, quà tặng, các khoản tài trợ để gây quỹ Hội theo cam kết của nhà tài trợ và theo quy định của pháp luật.

10. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động và quản lý hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

11. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Đảng, Nhà nước giao và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội và tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội được Hội xem xét công nhận là hội viên chính thức.

b) Hội viên liên kết: tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có đóng góp cho hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội, có thể được xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động, tán thành Điều lệ Hội, được Hội mời hoặc xem xét công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện đóng góp công sức, trí tuệ, vật chất, tinh thần, tài chính cho hoạt động của Hội; tán thành Điều lệ Hội; hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội.

b) Có đơn đăng ký tham gia Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ và quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Tổ chức, cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì gửi đơn đăng ký tham gia Hội theo mẫu do Hội quy định.

b) Văn phòng Hội tổng hợp hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định công nhận hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên có nguyện vọng ra khỏi Hội gửi đơn theo mẫu của Hội đến Ban Thường vụ Hội thông qua Văn phòng Hội.

b) Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

c) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính, hồ sơ, tài liệu mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về gia nhập hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội và chấm dứt tư cách hội viên phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Thường trực.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng và các ban chuyên môn của Hội.
7. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị bằng văn bản.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử.

c) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, báo cáo tài chính của Hội.

d) Thông qua Điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

đ) Thông qua đề án nhân sự Đại hội, biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

e) Bầu Ban Chấp hành;

g) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

h) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết và các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy chế đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành; ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung hoặc thay thế ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Trong quá trình hoạt động, Ban Chấp hành có thể xem xét bầu bổ sung số lượng ủy viên Ban Chấp hành nhưng không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ; Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1⁄2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội do Ban Thường vụ cử, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên Ban Thường vụ làm việc thường trực tại Hội. Điều hành công việc hàng ngày, đối nội, đối ngoại; thay mặt Ban Thường vụ quyết định

một số nhiệm vụ giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ và báo cáo vào kỳ họp gần nhất.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội:

a) Chuẩn bị nội dung các hội nghị của Ban Thường vụ, giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các hội nghị của Ban Chấp hành;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Giữ mối quan hệ phối hợp công tác với cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

d) Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ ban hành, tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Ban Chấp hành bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của tổ chức thuộc Hội và hội viên;

b) Xem xét đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

c) Độ tuổi: không quá 65 tuổi;

d) Sức khỏe: tốt.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hội gồm: 01 (một) Phó Chủ tịch Hội chuyên trách và 03 (ba) Phó Chủ tịch Hội không chuyên trách.

5. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Chương V
ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội: phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên; thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; Tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật; các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội: chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội; Chi hoạt động bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em có

hoàn cảnh đặc biệt; chi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao; Chi mua sắm phương tiện làm việc; Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật; Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, tặng, tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán, hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền.

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội.

1. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia hội, hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho hội mới theo quyết định chia hội;

b) Sau khi tách, các hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi sáp nhập:

a) Hội được sáp nhập vào hội khác, thì tài sản, tài chính của hội được sáp nhập chuyển giao cho hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất thành hội mới, các hội hợp nhất chấm dứt tồn tại, hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các hội hợp nhất đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn: Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, hội chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc hội hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội giải thể:

a) Không được phân chia tài sản của hội. Việc bán, thanh lý tài sản của hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ số tiền hiện có của hội và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của hội được thanh toán theo thứ tự sau: Chi phí giải thể, các khoản nợ lương, nợ thuế và các khoản phải trả khác.

Chương VII
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên và tập thể, cá nhân khác có thành tích xuất sắc, đóng góp thiết thực cho hoạt động của Hội và hoạt động bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, bệnh nhân nghèo và trẻ em được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định hoạt động của Hội thì tùy mức độ vi phạm bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ tư cách hội viên hoặc hình thức kỷ luật khác theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ (2026 – 2031) Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2026 tại phường Nha Trang và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Bệnh nhân nghèo và Quyền trẻ em tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.